TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29-01- 2021
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Kha

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hòa

2. Bà Nguyễn Duy Thị Anh Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 204/2020/TLST-HNGĐ về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26/01/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lâm Văn M – sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt

Bị đơn: Chị Hồ Hoàng Ngọc T – sinh năm 1996

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường N, thị xã P, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai nguyên đơn anh Lâm Văn M trình bày: Anh Lâm Văn M và chị Hồ Hoàng Ngọc T có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng không cùng quan điểm sống, anh M nghi ngờ chị T không chung thủy có quan hệ tình cảm với người khác. Đến đầu năm 2017 mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên đã sống ly thân. Hiện nay anh M không còn tình cảm gì với chị T nên yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng anh M và chị T có một người con chung tên Lâm Văn Gia B – sinh ngày 12/4/2014, hiện con chung đang sống với chị T. Khi ly hôn anh M đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Hồ Hoàng Ngọc T trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung như anh M trình bày là đúng. Nay anh M yêu cầu ly hôn thì chị T đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng chị T và anh M có một người con chung tên Lâm Văn Gia B – sinh ngày 12/4/2014, hiện con chung đang sống với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu nuôi con chung và yêu cầu anh M phải cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị T không có ý kiến

Về nợ chung: Không có ý kiến

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng; bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn anh Lâm Văn M có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn với bị đơn chị Hồ Hoàng Ngọc T cư trú tại tổ dân phố A, phường N, thị xã P, tỉnh Quảng Ngãi. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh Lâm Văn M có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, chị Hồ Hoàng Ngọc T đã được Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Anh Lâm Văn M và chị Hồ Hoàng Ngọc T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 11/4/2014 . Căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân giữa anh M và chị T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do anh M nghi ngờ chị T không chung thủy từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cải nhau và đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay không còn quan tâm hay liên lạc hỏi thăm gì nhau. Hiện anh M sống ở xã L, huyện Đ, chị T sống tại tổ dân phố A, phường N, thị xã P. Mặc khác qua xác minh tại phụ nữ phường N thì hiện vợ chồng anh M, chị T không còn sống chung. Điều đó chứng tỏ rằng hôn nhân giữa anh M và chị T đang lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 anh M yêu cầu ly hôn với chị T là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh M và chị T thừa nhận hai vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Lâm Văn Gia B, sinh ngày 12/4/2014. Hiện con chung đang sống với chị T, khi ly hôn anh M đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng và anh cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.500.000 đồng thì chị T cũng đồng ý. Như vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu B, căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu B cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.500.000đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh M được quyền thăm nom cháu B mà không ai được quyền cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

[2.4] Về nợ chung: Không có

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án buộc anh Lâm Văn M phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ và 300.000đồng tiền án phí cấp dưỡng cho con nhưng được khấu trừ vào 300.000đồng anh M đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2018/0004745 ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Anh M còn phải tiếp tục nộp 300.000đồng.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lâm Văn M

1. Về hôn nhân: Cho anh Lâm Văn M được ly hôn với chị Hồ Hoàng Ngọc T.

2. Về con chung: Giao cháu Lâm Văn Gia B – sinh ngày 12/4/2014 cho chị Hồ Hoàng Ngọc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 29/01/2021.

Anh Lâm Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được quyền cản trở.

Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về nợ chung: Không có

5. Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án buộc anh Lâm Văn M phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn và 300.000đồng án phí cấp dưỡng cho con nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh M đã nộp tại biên lai số AA/2018/0004745 ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Anh Lâm Văn M còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- UBND xã L, huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Kha